

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2022.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy L
với anh Nguyễn Văn D”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Khải.

2. Ông Phạm Hồng Lưu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ ấp Th, xã Tr, huyện C, TP. C.

- ***Bị đơn:*** anh Phạm Văn D, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ ấp Thạnh Lợi, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 18 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L trình bày: Năm 1992, do quen biết và sau thời gian chị và anh Phạm Văn D tự tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Trung Thạnh. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 con chung gồm cháu Phạm Thúy A, sinh ngày 28/11/1993 và cháu Phạm Nhã B, sinh năm 03/10/2002, hai cháu đã trưởng thành. Năm 2020 vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh D ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo lực gia đình đối với chị, trong cuộc sống gia đình anh D chi li tiền bạc với vợ, con. Từ đó, dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi nhau. Nay vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu giải

quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh D.
- Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung gồm cháu Phạm Thúy A, sinh ngày 28/11/1993 và cháu Phạm Nhã B, sinh năm 03/10/2002, hai cháu đã trưởng thành.
- Về tài sản chung: Vợ, chồng có 01 căn nhà cấp 4, diện tích 40m², nhà xây cất trên đất cha mẹ ruột chị. Chị xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn D trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị L về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn anh thống nhất nhưng cho rằng mâu thuẫn vợ, chồng không lớn nên anh không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L. Cho ly hôn giữa chị với anh Phạm Văn D; Về con chung: 02 con đã trưởng thành; Tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nghĩa vụ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thùy L thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ, chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành nên cần đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Phạm Văn D là hợp pháp. Chị L và anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị L và anh D có thời gian sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh D không tin tưởng chị L nên ghen tuông vô cớ, chị nhiều lần nhẫn nhịn nhưng anh D vẫn không thay đổi, anh D cũng có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng ly thân thời gian dài nhưng không hàn gắn được. Anh D thống nhất mâu thuẫn vợ chồng, yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại*

Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, cho chị được ly hôn với anh D là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung gồm cháu Phạm Thúy A, sinh ngày 28/11/1993 và cháu Phạm Nhã B, sinh năm 03/10/2002, hai cháu đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Vợ, chồng có 01 căn nhà cấp 4, diện tích 40m², nhà xây cất trên đất cha, mẹ ruột chị. Chị xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung: Chị L và anh D xác định không có.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy L phải nộp 300.000 đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thùy L. Cho ly hôn giữa chị L và anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung gồm cháu Phạm Thúy A, sinh ngày 28/11/1993 và cháu Phạm Nhã B, sinh năm 03/10/2002, hai cháu đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chung: Chị L và anh D xác định không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009219 ngày 02 tháng 3 năm 2022 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thanh Huỳnh